

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu
2. Ông Nguyễn Chí Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng Minh K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên bà và ông K tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An ngày 24/4/2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. Từ năm 2016, cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, ông K thường xuyên đánh bà nhưng không gây thương tích. Đến năm 2019, bà và ông K đã không sống chung. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Huy H, sinh ngày 05/3/2013 và Trần Hoàng K, sinh ngày 07/01/2019. Hiện 02 cháu đang

sống với bà, sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận giải quyết các tranh chấp trong vụ án, nhưng ông K không đến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà L không thay đổi lời trình bày của mình, không bổ sung chứng cứ gì thêm. Ông K vắng mặt không lý do, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng Minh K. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Hoàng Minh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên ông K không đến. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ cũng như lời trình bày của bà L để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà L, xét thấy:

Bà L và ông K quen biết và được hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An ngày 24/4/2013. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Từ năm 2016, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông K có đánh bà L. Bà L và ông K đã không còn sống chung từ tháng 01/2019 đến nay. Do đó, có cơ sở cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông K có 02 con chung Trần Huy H, sinh ngày 05/3/2013 và Trần Hoàng K, sinh ngày 07/01/2019. Hiện nay, 02 cháu đang sống chung với bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, từ

khi bà L, ông K không chung sống với nhau, 02 con chung do bà L nuôi dưỡng, phát triển tốt. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, ông K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Huy H, sinh ngày 05/3/2013 và Trần Hoàng K, sinh ngày 07/01/2019 cho bà L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà L, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung, đương sự có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L với ông Trần Hoàng Minh K.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trần Hoàng Minh K.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Huy H, sinh ngày 05/3/2013 và Trần Hoàng K, sinh ngày 07/01/2019 cho bà Trần Thị Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Hoàng Minh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002437, ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà L đã nộp xong.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- UBND xã NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thu